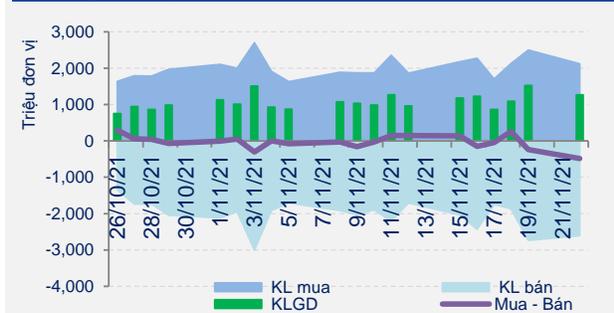


MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 22/11/2021

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,447.25	444.62
% Thay đổi	↓ -0.35%	↓ -2.06%
KLGD (CP)	1,269,033,637	185,914,639
GTGD (tỷ đồng)	36,577.41	5,105.04
Tổng cung (CP)	2,605,290,200	249,955,800
Tổng cầu (CP)	2,120,976,500	203,327,100

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	48,805,910	1,261,956
KL mua (CP)	55,448,200	915,512
GT mua (tỷ đồng)	2,130.09	31.96
GT bán (tỷ đồng)	1,626.63	31.43
GT ròng (tỷ đồng)	503.46	0.52

Tương quan cung cầu HOSE

Giá trị Giao dịch NĐTNN HOSE


Ngành Cấp 1	% thay đổi	P/E	P/B	%GTGD
Công nghệ Thông tin	↓ -1.30%	24.2	3.8	1.0%
Công nghiệp	↓ -4.25%	24.6	3.2	14.5%
Dầu khí	↓ -5.99%	19.6	2.1	2.2%
Dịch vụ Tiêu dùng	↓ -0.81%	-	6.0	2.6%
Dược phẩm và Y tế	↓ -1.60%	17.9	2.6	1.1%
Hàng Tiêu dùng	↓ -0.34%	23.1	4.0	8.3%
Ngân hàng	↑ 2.99%	11.6	2.3	21.9%
Nguyên vật liệu	↓ -1.72%	11.5	2.7	12.2%
Tài chính	↓ -1.66%	20.1	3.4	34.3%
Tiền ịch Cộng đồng	↓ -3.66%	16.8	2.8	2.0%
VN - Index	↓ -0.35%	17.2	2.9	
HNX - Index	↓ -2.06%	25.2	4.9	

ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường điều chỉnh nhẹ trong phiên giao dịch đầu tuần với thanh khoản tiếp tục trên mức trung bình. Cụ thể, VN-Index giảm 5,1 điểm (-0,35%) xuống 1.447,25 điểm. Độ rộng trên sàn HOSE là tiêu cực với 135 mã tăng, 23 mã tham chiếu, 460 mã giảm. HNX-Index giảm 9,35 điểm (-2,06%) xuống 444,62 điểm. Độ rộng trên sàn HNX là tiêu cực với 46 mã tăng, 29 mã tham chiếu, 275 mã giảm. Thanh khoản khớp lệnh trên hai sàn suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên với khối lượng khớp lệnh 1.391 triệu cổ phiếu tương ứng với giá trị khớp lệnh 39.103 tỷ đồng. Nhóm cổ phiếu ngân hàng tăng mạnh đã giúp thu hẹp giảm của thị trường chung và giúp chỉ số VN30 (+1,13%) tăng khá mạnh, có thể kể đến các mã như HDB (+7%), TPB (+6,9%), CTG (+5,2%), MBB (+3,2%), STB (+3,2%), BID (+2,6%), ACB (+2,1%), VCB (+1,8%), TCB (+1,5%), VPB (+1,4%)... Nhóm cổ phiếu thép cũng hồi phục sau chuỗi giảm mạnh trước đó, có thể kể đến các cổ phiếu như HPG (+1,4%), HSG (+2,4%), NKG (+1,2%), SMC (+1,9%)... Ở chiều ngược lại, hàng loạt cổ phiếu vốn hoá vừa và nhỏ bị chốt lời và đồng loạt giảm mạnh, thậm chí giảm sàn, có thể kể đến như GEX (-7%), KBC (-7%), DIG (-7%), NLG (-6,9%), DXG (-7%), ITA (-6,7%), CII (-6,9%), IJC (-6,9%), TCH (-6,8%), ROS (-6,9%)... Nhóm cổ phiếu dầu khí tiếp tục bị bán mạnh và đồng loạt giảm PVD (-6,8%), BSR (-7,7%), PVS (-5,7%), PLX (-5,9%), PVC (-9,2%)...

NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Phiên giao dịch đầu tuần đã diễn ra tương đối kịch tính với việc các chỉ số tăng mạnh vào đầu phiên nhưng ngay sau đó, áp lực bán gia tăng mạnh khiến hàng loạt cổ phiếu tăng nóng trước đó giảm mạnh, thậm chí giảm sàn. Rất may là cổ phiếu ngân hàng có sự quay trở lại để chống đỡ thị trường. Với phiên giảm hôm nay thì chỉ số VN-Index đã đánh mất ngưỡng tâm lý 1.450 điểm khiến cho xu hướng tăng có sự suy yếu. Tuy nhiên, nếu nhìn xa hơn thì thị trường vẫn đang trong sóng tăng 5 nên có khả năng VN-Index sẽ sớm hồi phục trở lại. Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/11, VN-Index có thể sẽ tăng điểm trở lại để lấy lại ngưỡng tâm lý 1.450 điểm. Tuy nhiên, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần lùi về vùng hỗ trợ tiếp theo trong khoảng 1.420-1.425 điểm để tìm kiếm lực cầu. Nhà đầu tư đã mua vào khi thị trường vượt vùng đỉnh cũ 1.420-1.425 điểm và đã mua thêm trong phiên 11/11 khi thị trường test hỗ trợ 1.450 điểm có thể tiếp tục canh những nhịp tăng điểm trong phiên để giảm tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục, những quyết định mua mới vào thời điểm hiện tại sẽ cần sự thận trọng và xem xét kỹ lưỡng.

MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày: 22/11/2021

DIỄN BIẾN GIAO DỊCH

VN-Index:

VN-Index giao dịch giằng co trong phiên hôm nay với sắc xanh và sắc đỏ đan xen nhau. Chỉ số đạt mức cao nhất trong phiên tại 1.466,66 điểm và mức thấp nhất trong phiên tại 1.442,85 điểm. Kết phiên, VN-Index giảm 5,1 điểm (-0,35%) xuống 1.447,25 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến VN-Index trong phiên hôm nay: GVR giảm 2.100 đồng, GAS giảm 3.900 đồng, PLX giảm 3.500 đồng. Ở chiều ngược lại, CTG tăng 1.700 đồng.

HNX-Index:

HNX-Index tăng điểm vào đầu phiên giao dịch sáng, với mức cao nhất trong phiên tại 465,5 điểm. Nhưng từ khoảng 10h trở đi, áp lực bán gia tăng khiến chỉ số giảm xuống sắc đỏ, với mức thấp nhất trong phiên tại 443,25 điểm. Kết phiên, HNX-Index giảm 9,35 điểm (-2,06%) xuống 444,62 điểm.

Những mã cổ phiếu ảnh hưởng nhiều nhất đến HNX-Index trong phiên hôm nay: THD giảm 4.100 đồng, L14 giảm 26.700 đồng, IDJ giảm 6.900 đồng. Ở chiều ngược lại, BAB tăng 1.700 đồng.

GIAO DỊCH KHỎI NGOẠI

Trên HOSE, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 504,26 tỷ đồng tương ứng với khối lượng ròng 6,7 triệu đơn vị. VHM là mã chứng khoán được mua ròng nhiều nhất với 137 tỷ đồng tương ứng với 1,7 triệu cổ phiếu, tiếp theo là CTG với 82,2 tỷ đồng tương ứng với 2,4 triệu cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, VPB là mã bị bán ròng nhiều nhất với 170,8 tỷ đồng tương ứng với 4,6 triệu cổ phiếu.

Trên HNX, khối ngoại mua ròng với giá trị ròng 934,21 triệu đồng. PVI là cổ phiếu được mua ròng nhiều nhất với 14 tỷ đồng tương ứng với 300 nghìn cổ phiếu, tiếp theo là THD với 3 tỷ đồng tương ứng với 12,7 nghìn cổ phiếu. Ở chiều ngược lại, CEO là cổ phiếu bị bán ròng nhiều nhất với 16,4 tỷ đồng tương ứng với 517 nghìn cổ phiếu.

TIN KINH TẾ VĨ MÔ

Xuất nhập khẩu năm 2021 có thể cán mốc 645 tỷ USD

Bộ Công Thương dự báo, năm nay, tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam sẽ đạt từ 640 - 645 tỷ USD và cán cân thương mại duy trì xuất siêu nhẹ.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT

VN-Index:



VN-Index điều chỉnh nhẹ trong phiên đầu tuần với khối lượng khớp lệnh suy giảm so với phiên trước đó nhưng vẫn cao hơn mức trung bình 20 phiên cho thấy áp lực bán ra là tương đối mạnh khi mà dòng tiền đồng loạt rút khỏi nhóm cổ phiếu vừa và nhỏ.

Theo lý thuyết sóng Elliot áp dụng trên biểu đồ tuần thì có thể thấy là VN-Index vẫn đang nằm trong sóng tăng 5 với target theo lý thuyết là quanh ngưỡng 1.540 điểm (fibonacci retracement 161,8% sóng điều chỉnh 4 trước đó).

Với phiên điều chỉnh nhẹ hôm nay (-0,35%) chủ yếu do mức giảm của nhóm vốn vừa và nhỏ thì xu hướng tăng của thị trường thuộc về sóng 5 vẫn chưa có gì thay đổi và khả năng để thị trường tiếp tục hướng đến những ngưỡng cao hơn trong thời gian tới mà gần nhất là kháng cự tâm lý 1.500 điểm là có thể xảy ra.

Tuy nhiên, với việc đánh mất ngưỡng hỗ trợ tâm lý 1.450 điểm trong phiên đầu tuần cũng khiến cho xu hướng tăng của thị trường bị suy yếu đôi chút và chỉ số VN-Index cần nhanh chóng lấy lại ngưỡng này trong phiên tiếp theo để củng cố cho tâm lý của thị trường.

Trong kịch bản tiêu cực, nếu áp lực bán tiếp tục gia tăng thì VN-Index có thể sẽ cần lùi về vùng hỗ trợ tiếp theo trong khoảng 1.420-1.425 điểm để tìm kiếm lực cầu.

Dự báo, trong phiên giao dịch tiếp theo 23/11, VN-Index có thể sẽ tăng điểm trở lại để lấy lại ngưỡng tâm lý 1.450 điểm.



TIN TRONG NƯỚC

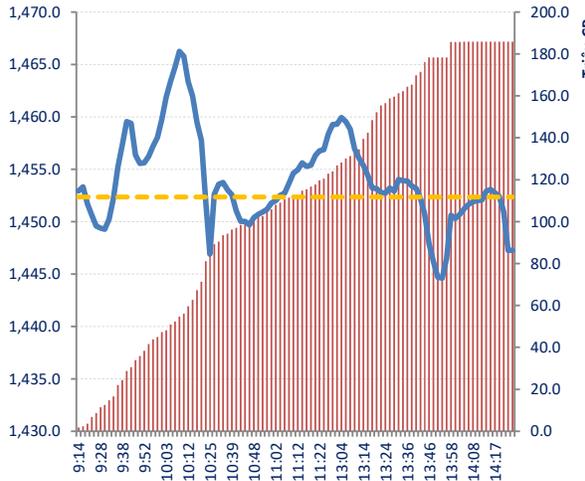
Giá vàng trong nước giảm	Tại thời điểm 16h, giá vàng SJC được Tập đoàn Vàng bạc đá quý Doji niêm yết ở mức giá: 59 - 59,65 triệu đồng/lượng, giảm 500.000 đồng/lượng ở chiều mua vào và giảm 550.000 đồng/lượng ở chiều bán ra so với sáng nay.
Tỷ giá trung tâm tăng 6 đồng	Tỷ giá trung tâm giữa đồng Việt Nam (VND) và đô la Mỹ (USD) sáng 22/11 được Ngân hàng Nhà nước công bố ở mức 23.118 VND/USD, tăng 6 đồng so với cuối tuần qua.

TIN QUỐC TẾ

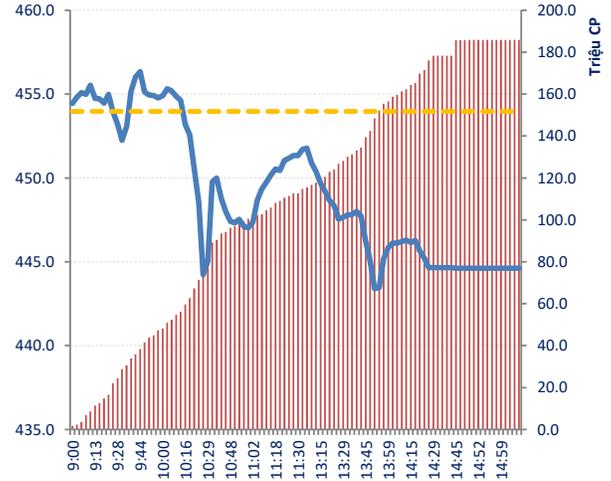
Giá vàng thế giới giảm	Tại thời điểm 16 giờ, giá vàng thế giới giảm 3,5 USD/ounce tương ứng với 0,19% xuống 1.848,1 USD/ounce.
Tỷ giá ngoại tệ: USD tăng	Tính tới 16 giờ, chỉ số USD Index (DXY) tăng 0,067 điểm tương ứng 0,07% lên 96,093 điểm. USD tăng so với EUR lên: 1 EUR đổi 1,1284 USD. USD tăng so với GBP lên: 1 GBP đổi 1,3432 USD. USD tăng so với JPY lên: 1 USD đổi 114,12 JPY.
Giá dầu thế giới tăng	Tại thời điểm 16 giờ, giá dầu thô ngọt nhẹ WTI tăng 0,41 USD/thùng tương ứng với 0,55% lên 76,37 USD/thùng.
Chứng khoán Mỹ tăng giảm trái chiều	Kết thúc phiên giao dịch ngày 19/11, Dow Jones giảm 268,97 điểm tương đương 0,75% xuống 35.601,98 điểm. Nasdaq tăng 63,73 điểm tương đương 0,40% lên 16.057,44 điểm. Nasdaq Composite giảm 6,58 điểm tương đương 0,14% xuống 4.697,96 điểm.

THÔNG KÊ GIAO DỊCH

KLGD và VN-Index trong phiên



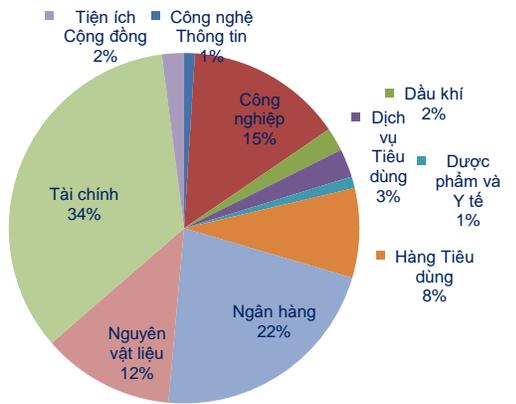
KLGD và HNX-Index trong phiên



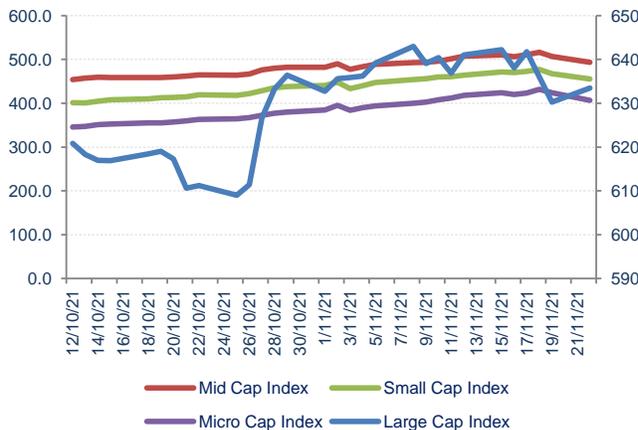
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



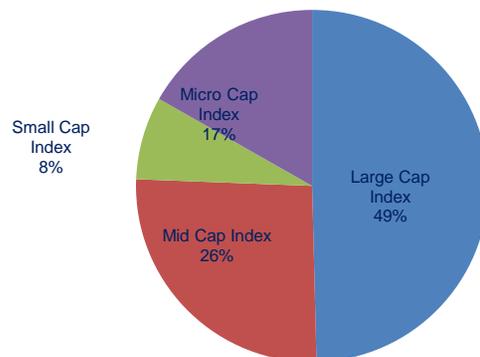
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ



HOSE

HNX

Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	CTG	2,405,900	VPB	4,631,200
2	VHM	1,700,200	TPB	1,788,800
3	GMD	1,537,200	HCM	770,400
4	KBC	1,446,600	ROS	756,900
5	DXG	1,201,900	GEX	414,100

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PVI	300,200	CEO	517,200
2	PCG	64,600	DST	158,600
3	CLH	40,000	BCC	69,292
4	OCH	36,100	KLF	57,400
5	PPS	27,300	VHL	36,700

Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
FLC	16.50	15.50	↓ -6.06%	48,633,600
MSB	24.60	26.25	↑ 6.71%	41,469,900
HAG	8.01	7.45	↓ -6.99%	39,898,700
ROS	7.26	6.76	↓ -6.89%	37,889,100
STB	27.90	28.80	↑ 3.23%	36,360,300

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
KLF	6.50	5.90	↓ -9.23%	13,259,004
SHS	49.50	49.40	↓ -0.20%	12,140,049
CEO	31.50	29.40	↓ -6.67%	11,165,428
PVS	26.50	25.00	↓ -5.66%	10,830,720
ART	15.10	14.40	↓ -4.64%	10,656,735

Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
HDB	30.20	32.30	2.10	↑ 6.95%
TGG	29.55	31.60	2.05	↑ 6.94%
VIB	39.00	41.70	2.70	↑ 6.92%
TPB	43.50	46.50	3.00	↑ 6.90%
TNH	52.40	56.00	3.60	↑ 6.87%

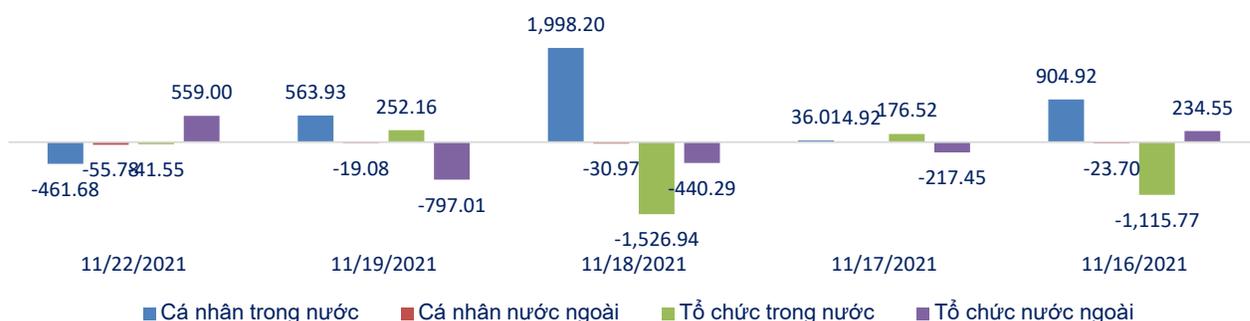
Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
STC	20.00	22.00	2.00	↑ 10.00%
UNI	16.10	17.70	1.60	↑ 9.94%
CCR	36.50	40.10	3.60	↑ 9.86%
QST	13.20	14.50	1.30	↑ 9.85%
BXH	10.20	11.20	1.00	↑ 9.80%

Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
TSC	16.45	15.30	-1.15	↓ -6.99%
TCD	33.60	31.25	-2.35	↓ -6.99%
KPF	17.15	15.95	-1.20	↓ -7.00%
KBC	50.00	46.50	-3.50	↓ -7.00%
HDC	100.00	93.00	-7.00	↓ -7.00%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
DNP	23.00	20.70	-2.30	↓ -10.00%
L18	54.00	48.60	-5.40	↓ -10.00%
SD5	15.00	13.50	-1.50	↓ -10.00%
LIG	18.00	16.20	-1.80	↓ -10.00%
PVL	18.00	16.20	-1.80	↓ -10.00%

(*) Giá điều chỉnh

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)

Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	153.03	21.2%	2,772	13.1	2.6
TPB	89.96	23.1%	4,366	10.0	2.1
DGC	63.93	29.1%	7,717	21.9	5.6
VNM	58.38	31.0%	5,037	17.1	5.3
VND	52.86	34.3%	4,946	15.2	3.4

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	-159.99	18.1%	3,439	9.5	1.6
VHM	-96.37	38.3%	8,968	9.0	2.9
MBB	-91.62	20.3%	2,943	9.6	1.8
KBC	-89.32	6.0%	1,551	32.2	1.9
FLC	-74.21	13.1%	1,967	8.4	1.2

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
GVR	3.18	10.5%	1,372	27.5	2.8
FLC	3.11	13.1%	1,967	8.4	1.2
CTD	2.88	2.2%	2,426	29.7	0.6
TVS	2.21	36.5%	4,858	9.7	3.0
HNG	1.63	0.7%	51	176.4	1.2

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
HCM	-37.19	19.2%	2,750	16.9	3.0
STB	-7.52	11.1%	1,864	15.0	1.6
VHM	-6.01	38.3%	8,968	9.0	2.9
FTS	-3.24	22.7%	3,583	19.9	4.1
DBC	-3.02	21.6%	8,515	7.6	1.6

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
MBB	92.01	20.3%	2,943	9.6	1.8
CTG	77.10	18.1%	3,439	9.5	1.6
KDH	74.55	13.4%	1,894	24.2	3.0
FLC	70.40	13.1%	1,967	8.4	1.2
GAB	63.32	1.1%	130	1,510.7	16.7

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DGC	-72.34	29.1%	7,717	21.9	5.6
VIC	-54.82	2.9%	1,111	85.4	2.2
CII	-45.70	0.5%	177	167.3	0.9
DIG	-43.22	13.1%	1,531	45.7	5.3
VND	-41.47	34.3%	4,946	15.2	3.4

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	142.68	38.3%	8,968	9.0	2.9
CTG	82.91	18.1%	3,439	9.5	1.6
GMD	74.51	6.9%	1,554	32.0	2.3
KBC	69.45	6.0%	1,551	32.2	1.9
VIC	55.32	2.9%	1,111	85.4	2.2

Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VPB	-170.80	21.2%	2,772	13.1	2.6
TPB	-82.39	23.1%	4,366	10.0	2.1
VNM	-25.17	31.0%	5,037	17.1	5.3
GEX	-19.77	8.6%	1,978	25.8	2.0
HPG	-17.76	44.7%	7,085	6.8	2.5



Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
FLC	48,633,600	13.1%	1,967	8.4	1.2
MSB	41,469,900	3250.0%	2,652	9.3	1.8
HAG	39,898,700	-18.4%	(1,220)	-	1.5
ROS	37,889,100	3.1%	324	22.4	0.7
STB	36,360,300	11.1%	1,864	15.0	1.6

Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
KLF	13,259,004	0.1%	6	1,069.6	0.6
SHS	12,140,049	25.5%	3,250	15.2	2.4
CEO	11,165,428	-4.7%	(606)	-	2.5
PVS	10,830,720	4.6%	1,238	21.4	1.0
ART	10,656,735	0.3%	32	477.7	1.3

Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
HDB	↑ 7.0%	20.7%	2,813	10.7	2.1
TGG	↑ 6.9%	22.8%	2,317	12.8	2.6
VIB	↑ 6.9%	28.3%	3,665	10.6	2.7
TPB	↑ 6.9%	23.1%	4,366	10.0	2.1
TNH	↑ 6.9%	20.4%	3,355	15.6	3.2

Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
STC	↑ 10.0%	8.6%	1,848	10.8	0.9
UNI	↑ 9.9%	-0.2%	(20)	-	1.5
CCR	↑ 9.9%	14.6%	1,718	21.2	3.0
QST	↑ 9.8%	17.4%	2,171	6.1	1.2
BXH	↑ 9.8%	3.0%	565	18.1	0.6

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
CTG	2,405,900	18.1%	3,439	9.5	1.6
VHM	1,700,200	38.3%	8,968	9.0	2.9
GMD	1,537,200	6.9%	1,554	32.0	2.3
KBC	1,446,600	6.0%	1,551	32.2	1.9
DXG	1,201,900	7.5%	1,406	18.9	1.2

Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PVI	300,200	11.0%	3,567	13.3	1.5
PCG	64,600	3.1%	273	43.6	1.3
CLH	40,000	25.2%	3,974	7.7	2.0
OCH	36,100	-0.9%	(77)	-	1.2
PPS	27,300	10.6%	1,306	10.6	1.2

Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VIC	360,734	2.9%	1,111	85.4	2.2
VCB	360,132	20.4%	5,696	17.0	3.3
VHM	350,527	38.3%	8,968	9.0	2.9
HPG	214,700	44.7%	7,085	6.8	2.5
GAS	202,879	16.9%	4,384	24.2	4.0

Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
THD	83,300	25.2%	4,694	50.7	14.4
IDC	26,400	11.8%	1,805	48.8	5.6
KSF	21,900	8.8%	770	94.8	3.7
VCS	19,040	41.5%	11,163	10.7	4.0
BAB	17,623	8.6%	979	23.9	2.0

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VOS	2.64	54.5%	2,573	8.0	3.2
DRH	2.47	2.1%	292	78.2	1.6
FTS	2.38	22.7%	3,583	19.9	4.1
ANV	2.34	6.7%	1,265	26.9	1.8
IJC	2.26	23.5%	3,643	8.6	2.1

Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
L18	2.55	4.5%	683	79.1	3.8
TTL	2.42	2.3%	324	52.4	1.2
VHE	2.40	0.6%	68	155.0	1.0
PVL	2.33	9.9%	475	37.9	3.5
TKC	2.26	9.4%	1,453	10.9	1.1



Website: www.shs.com.vn

Chịu trách nhiệm nội dung:

P.Trưởng phòng: Ngô Thế Hiền
hien.nth@shs.com.vn

Tổ trưởng: Phan Tấn Nhật
nhat.pt@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Khắc Thành
thanh.nk@shs.com.vn

Chuyên viên: Nguyễn Đình Thắng
thang.nd@shs.com.vn

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi StoxPlus Corporation

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: 84.24.38181888
Fax: 84.24.38181688
Email: contact@shs.com.vn

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 1&3, Tòa nhà AS,
Số 236-238 Nguyễn Công Trứ,
P.Nguyễn Thái Bình, Q.1, HCM
Tel: 84.28.39151368
Fax: 84.28.39151369
Email: contact-hcm@shs.com.vn

Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh
Trung, Quận Thanh Khê, Thành
phố Đà Nẵng
Tel: 84.236.3525777
Fax: 84.236.3525779
Email: contact-dn@shs.com.vn
